

Bản án số: 252/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị Soi, anh Giang

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoá;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị S, sinh năm 1996; Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn G, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22 tháng 7 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Ngô Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2019. Sau khi kết hôn, chị S và anh G chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh G được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đầu tháng 3/2024 đến nay, chị S đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở xã H nay là thị trấn C,

huyện H, tỉnh Nam Định sinh sống, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G có 01 con chung là cháu Lê Thiên A, sinh ngày 07/02/2020. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị S. Khi ly hôn, chị S xin được nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị S, mỗi tháng là 3.000.000đ. Hiện chị S đang làm nhân viên của Công ty TNHH D có địa chỉ tại 5 A, phường Q, thành phố N với mức thu nhập 12.000.000đ đến 13.000.000đ/01 tháng nên chị có đủ khả năng nuôi dưỡng cháu A.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị S và anh G không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2024 và quá trình hoà giải tại Toà án, bị đơn anh Lê Văn G có lời khai phù hợp với lời khai của chị S về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Theo anh G nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do công việc của anh thường xa nhà, anh ít quan tâm đến vợ, con đến nay anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn. Anh xin được đoàn tụ với chị S để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh G xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị S trình bày. Nếu phải ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay anh đang việc tại Công ty TNHH D1 với mức thu nhập 15.000.000đ/01 tháng nên anh đủ khả năng nuôi dưỡng cháu A.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G. Về con chung, giao con chung cho chị S nuôi dưỡng, anh G phải cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị S, anh G là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 03/9/2019. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 3/2024 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị S yêu cầu xin được ly hôn, anh G không đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị S thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do tính tình không hợp quan điểm lối sống khác nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Đến nay chị S và anh G có thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G có một con chung là cháu Lê Thiên A, sinh ngày 07/02/2020, hiện con chung đang do chị S nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị S và anh G xin được nuôi dưỡng cháu A. Chị S yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, anh G nhận nuôi con không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của các đương sự thì thấy: Chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên điều kiện nuôi dưỡng con chung là như sau. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh G thừa nhận thường xuyên phải làm công việc xa nhà, ít có điều kiện về gia đình. Mặt khác, cháu Lê Thiên A mới hơn 4 tuổi lại ở với chị S từ nhỏ, hiện vẫn đang do chị S nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần tiếp tục giao cháu A cho chị S nuôi dưỡng và cần buộc anh Lê Văn G phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị S mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị S và anh G xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị S phải nộp án phí ly hôn, anh G phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị S và anh Lê Văn G.
2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thiên A, sinh ngày 07/02/2020 cho chị Ngô Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu An thành N (đủ 18 tuổi). Anh

Lê Văn G phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị S mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 10/2024. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu Lê Thiên A đang do chị S nuôi dưỡng nên 02 bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ngô Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003260 ngày 24/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị S đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn G phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Đường;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính